

Bản án số: 144 /2017/HSST
Ngày 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH QUẢNG NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạ – Bà Bàng Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Xuân Chiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Đào Thế Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử 1 - Tòa án nhân dân thành phố C xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 111/2017/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Xuân Á - tên gọi khác: không.

Sinh ngày 13 tháng 9 năm 1985, tại HH, Quảng Ninh.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: phố T, thị trấn Q, huyện HH, tỉnh Quảng Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12;

Con ông Hoàng Xuân L (đã chết) và bà Tô Thị K, sinh năm 1952.

Vợ: Đinh Thị Đ, sinh năm 1995; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2014.

- Tiền án: Ngày 02/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Nhân thân:

+ Ngày 22/11/2006 bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

+ Ngày 29/6/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 26/12/2016, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh – có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Văn N – tên gọi khác: Ng.

Sinh ngày 02/12/1981, tại Vân Đồn, Quảng Ninh.

Nơi ĐKNKTT: phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: phường Th, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12;

Con ông Phạm Văn N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948.

Vợ: Bùi Thị B (H), sinh năm 1983; Bị cáo có 02 con (01con riêng sinh năm 2007, 01 con sinh năm 2009) .

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/4/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), xử phạt 36 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/12/2016, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C – có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1972 - Giám đốc Công ty cổ phần thương mại CT; Địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên – Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Hoàng Xuân Á và Phạm Văn N (Ng) bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 22 giờ 10 phút, ngày 20/12/2016, tại khu DT, phường B, thành phố C. Công an thành phố C bắt quả tang Phạm Văn N (Ng) đang điều khiển xe ô tô BKS 89A – 08943 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ trên người N: 02 túi nilon tinh thể màu trắng; 02 điện thoại di động. Thu giữ trên xe ô tô: 01 ví giả da; Số tiền 1.200.000 đồng; 02 giấy phép lái xe; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn N; 01 điện thoại di động; 01 túi nilon chứa 125 viên hình con nhộng màu trắng; 01 túi nilon đựng 90 viên nén hình trụ tròn in hình chìm hai chữ C lồng vào nhau; 01 thẻ chứng nhận tập huấn nghiệp vụ mang tên Trần Hữu T. Thu giữ tại cốp xe đối diện ghế phụ trước 01 bánh nhãn hiệu TOP, bên trong có 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng.

Tiếp đó, hồi 22 giờ, ngày 26/12/2016, tại km 176 thuộc xã CH, thành phố C. Công an thành phố C phối hợp với Công an tỉnh Quảng Ninh bắt quả tang Hoàng Xuân Á có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ của Á: 01 vỏ bao thuốc lá 555 bên trong có 03 túi nilon đều chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nilon đựng 29 viên nén hình trụ tròn; 01 túi sách màu đen; 02 điện thoại di động; 01 cân điện tử; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng; 01 dây chuyền bằng kim loại; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Xuân Á.

Tại bản Cáo trạng số: 119/KSĐT - HS, ngày 08/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố hai bị cáo Hoàng Xuân Á và Phạm Văn N (Ng) về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Tuyên phạt bị cáo Hoàng Xuân Á mức án tù từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 26/12/2016.

Áp dụng: Điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự

Tuyên phạt bị cáo Phạm Văn N mức án tù từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 20/12/2016.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và quan điểm xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận với nội dung sau:

Bị cáo Phạm Văn N (Ng) khai nhận: Do N có quan hệ quen biết với Trần Hữu T (Hải Phòng) và Hoàng Xuân Á (Hải Hà) từ trước. Khoảng 10 giờ, ngày 19/12/2016 T điều khiển xe ô tô 4 chỗ biển số 89A – 08943 đến nhà N ở phường Th, thành phố C chơi và T có nói chuyện với N về việc Á đã lừa đưa cho T một lượng ma túy Ketamine giả, do N quen và biết chỗ ở của Á, nên T nhờ N dẫn T đi tìm Á để nói chuyện, N đồng ý. Sau đó T điều khiển xe ô tô chở N và vợ là Bùi Thị B (tức H) đi ra huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh chơi và để T gặp Á. Trên đường đi N có nói với T là cho N vay ít tiền (nhưng không nói để làm gì) thì T đưa cho N mượn chiếc thẻ ATM (loại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn) đồng thời nói cho N biết mật mã thẻ ATM. Khi ra đến HH, Toàn thuê nhà nghỉ để nghỉ lại và nói với N cứ đi tìm Á, nếu gặp được Á thì dẫn Á về chỗ T nói chuyện. N lấy xe ô tô của T chở B đi ra thành phố M gặp Á, N bảo Á về nói chuyện với T, nhưng Á không đồng ý. N lại hỏi có thuốc lắc thì bán cho N một ít, Á đồng ý rồi dẫn N và B đi về nhà Á ở thị trấn Q, huyện HH. Khi đến nơi B ở ngoài xe ô tô đợi, còn N và Á đi vào nhà. Khi vào nhà Á bảo còn 100 viên thuốc lắc giá là 16 triệu đồng và còn 30 gam ma túy đá nữa, nếu lấy thì giá 10 triệu đồng. N đã đồng ý mua cả ma túy đá và thuốc lắc của Á gồm 30 gam ma túy Methamphetamine (cân đủ 30 gam) và 100 viên thuốc lắc (không kiểm tra xem có đủ hay không) sau này khi bị Công an thu

giữ thì thấy có 90 viên, với giá 26 triệu đồng. N đưa trước cho Á số tiền 12 triệu đồng sau đó Á đưa N ra cây ATM rút tiền, để N dùng thẻ ATM trước đó mượn của T rút thêm được 10 triệu đồng đưa cho Á. Khi N và Á giao dịch chỗ cây ATM còn B (vợ N) ngồi ngoài xe nên không biết. Sau đó Á về, còn N cùng vợ về chỗ nhà nghỉ T đang ở gặp T, N nói với T về việc Á không chịu gặp T, đồng thời N nói đã dùng 10 triệu đồng của T để mua 30 gam ma túy Methamphetamine của Á. T nghe vậy đã bảo N để lại cho T số ma túy trên, nên N đã đưa lại cho T 30 gam ma túy Methamphetamine cùng thẻ ATM và T nói ở lại huyện HH để gặp Á, còn Nhận mượn xe ô tô của T chở B về thành phố C. Trên đường đi vào khoảng 20 giờ cùng ngày, N nhận được điện thoại của T1 gọi mua ma túy đá mang đến nhà cho T1, N đồng ý bảo T1 đợi rồi tiếp tục chở B về nhà và lấy hơn bốn triệu đồng, đồng thời gọi điện cho T2 nhà ở khu vực phường CP hỏi mua một gói ma túy giá 3,5 triệu đồng tại khu đối diện nhà nghỉ Quỳnh Trang rồi san thành 02 túi đựng vào túi áo đang mặc trên người, xong quay về nhà đón B và Th đi chơi. Khi đến bến xe phường Cẩm Bình, N dùng xe sát lề đường, xuống xe một mình vào nhà T1 để bán ma túy đá cho T1, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an kiểm tra hành chính, phát hiện ma túy đá trên người, bắt giữ đồng thời yêu cầu N đưa ra xe, khám xét xe và thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên rồi đưa N, B, Th, TA về trụ sở Công an lập biên bản và niêm phong toàn bộ vật chứng.

Việc mua bán ma túy giữa N và Á. T2, B (H), Th, TA không tham gia và không biết.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay N còn khai trước đó, khoảng trong tháng 12/2016, N cũng mua ma túy của T2 và bán cho T1 02 lần tại nhà T1, mỗi lần 02 triệu đồng có chồng T1 là Ng biết.

Các nhân chứng Bùi Thị B (H), Nguyễn Văn TA, Đinh Văn Th tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo N, là người trực tiếp chứng kiến Công an kiểm tra, thu giữ ma túy của N và niêm phong vật chứng. Trước đó không biết N có ma túy trong người cũng như việc N đi mua ma túy.

Riêng Hoàng Thị T1 khai nhận, khoảng 18 giờ ngày 20/12/2016 T1 có gọi điện hỏi mua ma túy của N, N đồng ý nói chờ tý N đến nhà nhưng chờ mãi không thấy N mang ma túy đến bán, sau đó biết N bị Công an bắt, còn việc Công an bắt N thế nào T1 không được biết, ngoài ra T1 còn khai trước đó đã mua ma túy của N 02 lần, mỗi lần 02 triệu đồng, có chồng T1 là Ng biết, T1 mua ma túy mục đích để sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 26/ GĐMT ngày 26 tháng 12/2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh xác định: Chất tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon thu của Phạm Văn N là chất ma túy, loại Methamphetamine trọng

lượng 5,93gam; 90 viên nén hình trụ tròn in hai chữ “C” lồng vào nhau là chất ma túy loại MDMA trọng lượng 23,26gam; 125 viên con nhộng màu trắng có trọng lượng 95,19gam không đủ khả năng giám định.

Tại bản kết luận giám định số 49/GĐMT số 49 ngày 28/12/2016 của Phòng kỹ thuật giám định hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh xác định: Chất tinh thể màu trắng chứa trong vỏ bánh nhãn hiệu TOP thu trên xe ô tô 89A – 08943 có trọng lượng 78,56 không đủ khả năng giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1085/ C54(TT2) ngày 31/3/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: 125 viên hình con nhộng màu trắng không tìm thấy chất ma túy; Chất tinh thể màu trắng đựng trong vỏ bánh TOP có Mathamphetamine, Ketamine và Heroine trọng lượng 44,13 gam mẫu tinh thể.

Lời khai của Hoàng Xuân Á: Do trước ngày bị cáo bị bắt khoảng hơn 01 tháng bị cáo có đến huyện K, tỉnh Hải Dương chơi có quen biết H, cho nhau số điện thoại, nhưng không biết họ tên đầy đủ và nhà H ở đâu. Vào chiều ngày 23/12/2016 H có gọi điện cho bị cáo bảo có ma túy Ke “kẹo” mang về K, Hải Dương bán, số lượng bao nhiêu H cũng lấy, bị cáo nghe vậy đồng ý, khi nào có ma túy “Ke” sẽ điện thoại lại, đồng thời cả hai thỏa thuận giá 400 nghìn 1 gam. Chiều ngày 24/12/2016 bị cáo ra Móng Cái, Quảng Ninh rồi đi tiếp sang bên Đông Hưng, Trung Quốc gặp một người tên là P và mua được của anh ta 29 viên thuốc lắc với giá 120 nghìn đồng/1viên; 02 túi ma túy Ke với giá 250 nghìn đồng/ 1gam. Tổng cộng bị cáo mua hết số ma túy với giá là 08 triệu đồng và bị cáo xin được của P một túi nilon đựng bột phách có đặc điểm bên ngoài giống với ma túy “Ke” với mục đích để pha thêm vào ma túy Ke để tăng khối lượng lên. Sau khi mua được ma túy bị cáo về huyện Hải Hà thuê nhà nghỉ Khánh Linh để nghỉ ngơi và dùng thử một ít ma túy “Ke”, đồng thời liên lạc, hẹn với H tối ngày 26/12/2016 sẽ về K, Hải Dương bán ma túy cho H. Vào tối ngày 26/12/2016 bị cáo bảo anh T3 là chủ nhà nghỉ Khánh Linh có xe ô tô chở bị cáo vào HG, Quảng Ninh và thỏa thuận giá cả là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) bị cáo đưa trước cho anh T3 200 nghìn đồng để đỗ xăng, bị cáo dự định đến HG mới bảo anh T3 chở về K, Hải Dương. Khoảng 20 giờ 30 phút bị cáo và anh T3 xuất phát từ Hải Hà đi, đến khoảng 22 giờ ngày 26/12/2016 khi đến địa phận xã Cẩm Hải, thành phố C thì bị Công an giao thông dừng xe kiểm tra, phát hiện bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Công an thu tại túi quần dài bên trái phía trước của bị cáo đang mặc 01 vỏ bao thuốc lá 555 màu xanh bên trong có 02 túi nilon đều đựng ma túy Ke; 01 túi nilon đựng 29 viên thuốc lắc và 01 túi bột phách. Công an còn thu giữ của bị cáo: 01 túi vải màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên bị cáo; 01điện thoại 105 màu đen lắp sim số 0972604269; 01 điện thoại Iphone màu đen của Trung Quốc lắp sim số 0982559308; 01 cân điện tử tiểu ly; 01 dây chuyền có

mặt đều bằng kim loại loại màu vàng, là vàng giả. Sau đó Công an đưa bị cáo về trụ sở lập biên bản, niêm phong toàn bộ vật chứng.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Trọng T3, Trần Mạnh H1 có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo Hoàng Xuân Á, chứng kiến Công an kiểm tra tra, thu giữ, niêm phong toàn bộ vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 51/GĐMT ngày 29/12/2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh xác định đối với số vật chứng thu giữ của Hoàng Xuân Á. Chất tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon là chất ma túy, loại Ketamine, tổng trọng lượng 9,63gam; Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon còn lại có trọng lượng 49,98gam vượt khả năng giám định; 29 viên nén hình trụ là chất ma túy, loại MDMA tổng trọng lượng 7,17 gam.

Tại bản kết luận giám định số 1086/C54(TT2) ngày 31/3/2017 của viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: Trong 49,98 gam chất tinh thể màu trắng không tìm thấy chất ma túy.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Hoàng Xuân Á còn khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Văn N. Sáng ngày 20/12/2016 vợ chồng N ra Móng Cái gặp Á, bảo Á đi đến gặp T, Á từ chối. N bảo Á có ma túy lác bán không, Á bảo có và đưa N về nhà Á ở thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, Á bán cho N 30 gam ma túy đá giá 10 triệu đồng và 100 viên thuốc lác (loại in 2 chữ C lồng vào nhau) giá 16 triệu đồng, N đưa trước cho Á 12 triệu đồng và nhờ Á dẫn ra cây ATM để rút tiền. N lái xe, Á chỉ đường ra trụ sở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hải Hà, nơi đó đặt nhiều cây rút tiền, đến nơi N vào rút tiền còn Á đứng đợi bên ngoài, vợ N ngồi trên xe, một lúc sau N ra đưa cho Á 10 triệu đồng, còn N có rút được tiền hay không thì Á không biết, còn 04 triệu nhận nợ trả sau. Tổng số tiền bán ma túy cho N là 22 triệu đồng. Á đã chi tiêu cho bản thân hết 14 triệu đồng, còn 08 triệu đồng, Á mua thuốc lác và Ke, trên đường đi về K, Hải Dương bán cho Hiệu thì bị bắt như đã khai ở trên. Trong quá trình Á thỏa thuận bán số ma túy trên cho N, vợ N không biết, không tham gia và cũng không hề biết gì bởi Á và N giấu không cho biết.

Xét lời khai của các bị cáo, cùng nội dung các lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án thấy hành vi của 02 bị cáo đều có hành vi mua bán ma túy nhằm mục đích để bán nhưng hoàn toàn độc lập và riêng biệt, nhưng có mối quan hệ mua bán ma túy cho nhau, để bán cho những người khác hưởng lợi nhuận. Do vậy Cơ quan điều tra đã nhập 02 vụ án thành một để thuận lợi cho công tác điều tra, cũng như truy tố, xét xử là phù hợp Điều 117 Bộ luật hình sự.

Với những chứng cứ nêu trên cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hai bị cáo Hoàng Xuân Á, Phạm Văn N (Ng) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được

quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt từ 07 đến 15 năm tù.

Xét hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước và tiếp tay cho những đối tượng buôn bán ma túy lớn hoạt động. Không những thế, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục của dân tộc và làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy.

* Đối với bị cáo Hoàng Xuân Á:

- Nhân thân:

+ Ngày 22/11/2006 bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

+ Ngày 29/6/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án: Ngày 02/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

* Đối với bị cáo Phạm Văn N: Ngày 09/4/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), xử phạt 36 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo đã chấp hành xong các bản án trở về địa phương nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, nay các bị cáo lại tiếp tục phạm tội và đã mua bán ma túy nhiều lần và số lượng ma túy trên 20 gam là tình tiết định khung được quy định tại điểm b, m khoản 2 điều 194 bộ luật hình sự, riêng với Hoàng Xuân Á lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo, nhưng dù giảm nhẹ đến đâu cũng cần phải cách ly bị cáo Á và bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo ý nghĩa giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét cả hai bị cáo, đều nghiện ma túy, không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với hai bị cáo.

Xét đề nghị trên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật được chấp nhận.

Trong vụ án này: Đối với Trần Hữu T là người cho N mượn xe ô tô và N khai vay 10 triệu của T để mua 30 gam ma túy đá, đã để lại cho T và thu trên xe của T,

Cơ quan điều tra chưa làm rõ được hành vi của T, hiện T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã tách hành vi, vật chứng thu giữ của T trên xe ô tô, trong quá trình khám xe để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

Đối với Bùi Thị B (H) không biết, không tham gia vào việc mua bán ma túy với N và Á nên không đề cập xử lý.

Các đối tượng: Phóng là người đã bán ma túy cho Á; T2 là người đã bán ma túy cho N do không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể, nên không có cơ sở xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xét.

Hoàng Thị T1 có hành vi mua trái phép chất ma túy của N để sử dụng, Công an thành phố C đã ra quyết định xử phạt hành chính nên không đề cập.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang Tr – Giám đốc Công ty cổ phần thương mại Chiến Thắng đã nhận lại xe ô tô không có yêu cầu bị cáo Nhận bồi thường gì trong những ngày xe bị giữ, không đề cập giải quyết.

Truy thu 14.000.000 đ (Mười bốn triệu đồng) của Á và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) của N, số tiền do các bị cáo phạm tội mà có sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng vụ án:

+ 02 phong bì còn nguyên dấu niêm phong số 26/GĐMT; Số 51/GĐMT của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng và 01 phong bì số 1086/C54(TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; 02 Vỏ túi nilon màu trắng; 01 Vỏ bao thuốc lá 555; 01 ví giả da, màu nâu đã cũ; 01 túi xách vải đã cũ; 01 dây chuyền kim loại màu vàng và 01 lắc tay kim loại màu vàng là hàng mỹ ký của bị cáo Á, bị cáo Á không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ, model: RM1035, kèm 2 sim, 1 pin; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, model: 105, kèm 1 sim, 1 pin) và 01 cân điện tử màu đen, là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước.

+ 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO màu vàng, kèm 1 sim của Nhận; số tiền 1.200.000 đồng; 02 giấy phép lái xe; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn N và 01 điện thoại Iphone màu đen, Model A1661 FCC ID: BCG – E3087A IC – 579C – E3087A kèm 1 sim của Á; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Xuân Ái không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

+ 01 vỏ bánh nhãn hiệu TOP; 01 phong bì còn nguyên dấu niêm phong số 1085/C54(TT2) của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát, bên trong chứa mẫu

vật hoàn lại sau giám định; 01 thẻ chứng nhận tập huấn nghiệp vụ mang tên Trần Hữu T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, model: RM-1133, kèm 1 sim, 1 pin, không xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã tách ra cùng hành vi của Toàn để điều tra làm rõ xử lý sau, Hội đồng xét xử không xét.

+ 01 xe ô tô BKS: 89A – 08943, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp, Hội đồng xét xử không đề cập.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Xuân Á và bị cáo Phạm Văn N, phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Xuân Á 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/12/2016.

Áp dụng: điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 20/12/2016.

Áp dụng: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì còn nguyên dấu niêm phong số 26/GĐMT; Số 51/GĐMT của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng và 01 phong bì số 1086/C54(TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành; 02 Vỏ túi nilon màu trắng; 01 Vỏ bao thuốc lá 555; 01 ví giả da, màu nâu đã cũ; 01 túi xách vải đã cũ; 01 dây chuyền kim loại màu vàng và 01 lắc tay kim loại màu vàng là hàng mỹ ký, không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ, model: RM1035, kèm 2 sim, 1 pin; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, model: 105, kèm 1 sim, 1 pin) và 01 cân điện tử màu đen.

- Trả lại cho:

+ Bị cáo Hoàng Xuân Á: 01 điện thoại Iphone màu đen, Model A1661 FCC ID: BCG – E3087A IC – 579C – E3087A kèm 1 sim và 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Xuân Á.

+ Bị cáo Phạm Văn N: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO màu vàng, kèm 1 sim; số tiền 1.200.000 đồng; 02 giấy phép lái xe và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn N.

Toàn bộ vật chứng, tình trạng như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 153 /BB-THA ngày 22/8/2017 giữa Công an thành phố Cẩm Phả với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Buộc: Bị cáo Hoàng Xuân Á phải nộp lại 14.000.000 đ (Mười bốn triệu đồng) và bị cáo Phạm Văn N phải nộp lại 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) số tiền các bị cáo phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Xuân Á và bị cáo Phạm Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - 29/9/2017. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp. C;
- Chi cục THADS tp. C;
- Công an tp. C;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Văn Trọng